

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K**

Bản án số: 44/2019/HS-ST.

Ngày: 25/7/2019.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K- TỈNH K

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phúc;

2. Ông Phạm Văn Tiền.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên Toà: Nguyễn Đỗ Phương Thảo -Thư ký Toà án nhân dân thành phố K, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên toà: Nguyễn Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2019/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2019, đối với bị cáo: **N.T.H.P**, sinh ngày 07/10/1996 tại K; nơi cư trú: Thôn L, xã I, thành phố K, tỉnh K; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; cha N.T.T (Đã chết), mẹ V.T.H, sinh năm: 1979; gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình, con nhỏ nhất sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2019, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Anh N.M.H, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn L, xã I, thành phố K, tỉnh K, có mặt;

2/ Anh B, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, thành phố K, tỉnh K, vắng mặt;

3/ Chị V.T.H, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn L, xã I, thành phố K, tỉnh K, có mặt;

4/ Ông T, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn N, xã I, thành phố K, tỉnh K, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 13/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K tiến hành kiểm tra hành chính tại nơi ở (là quán bán bún, của chị V.T.H là mẹ đẻ của bị cáo thuê của ông T) của bị cáo N.T.H.P, tại thôn N, xã I, thành phố K, tỉnh K, phát hiện trên bàn trong phòng

khách có 01 gói chất tinh thể rắn màu trắng đựng trong bì ni lông dán kín. Bị cáo Phương khai nhận gói chất tinh thể rắn là ma túy đá, Phương vừa mua của một người có tên là Lóc (không rõ nhân thân lai lịch). Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang, tạm giữ người và thu giữ tang vật, gồm: 01 gói chất tinh thể rắn màu trắng đựng trong bì ni lông dán kín; 01 điện thoại sam sung màu đen; 01 kéo bằng kim loại màu trắng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 470.000 đồng.

*Kết luận giám định số: 33/KLGD-2019 ngày 16/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K, kết luận: 01 gói chất tinh thể rắn màu trắng được bọc trong bì ni lông thu của bị cáo Phương, có trọng lượng: **0,1926** gam (sau giám định còn: **0,1840** gam) là ma túyMenthamphetamine.*

Tại Cáo trạng số: 48/CT-VKSTPKT ngày 25/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo N.T.H.P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm 1 khoản 1 Điều 51 của BLHS, xử phạt bị cáo Phương từ 12 đến 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phương thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi mẹ và các em; bị cáo rất hối hận về hành vi vi phạm pháp luật của mình và hứa sau khi cải tạo sẽ không tái phạm; bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về hòa nhập với xã hội và cùng mẹ chăm sóc các em.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS; Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[1] Lời khai của bị cáo N.T.H.P tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có cơ sở khẳng định: Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 13/4/2019 bị cáo N.T.H.P mua của một đối tượng tên Lóc (không rõ nhân thân lai lịch) 01 gói ma túy Methamphetamine có trọng lượng **0,1926** gam (sau giám định còn: **0,1840** gam), đem cất dấu trái phép tại nơi ở của mình (quán bán bún) địa chỉ thôn N, xã I, thành phố K, tỉnh K, nhằm mục đích sử dụng cho cá nhân, đến

khoảng 22 giờ 30 phút ngày cùng ngày bị Công an thành phố K lập biên bản bắt quả tang.

Hành vi cất giấu trái phép **0,1926**gam ma túy trên của bị cáo, đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Phương đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm đến an toàn công cộng và trật tự công cộng, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Do đó phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; thực sự ăn năn hối cải, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS, cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Khi lượng hình cũng xem xét bị cáo không có tiền án, tiền sự, tuổi đời còn nhỏ, cha bị cáo mất sớm, nên một phần nào đó bị cáo thiếu sự quan tâm chăm sóc của người cha.

[3] *Hình phạt bổ sung:* Khoản 5 Điều 249 của BLHS quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên bị cáo không nghề nghiệp, không có tài sản, không có điều kiện để chấp hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] *Về xử lý vật chứng:-* **0,1840**gam ma túy Methamphetamine; 01 kéo bằng kim loại màu trắng và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy thu của bị cáo Phương. Tất cả các vật chứng này đều là công cụ phạm tội, vật cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng. Căn cứ khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS và Điều 47 BLHS, tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại sam sung màu đen, là tài sản của bị cáo Phương, bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, nên tịch thu sung quỹ;

- Số tiền 470.000 đồng là tài sản của bị cáo Phương, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên trả lại cho bị cáo;

[5] *Về án phí:* Bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự theo quy định.

[6] Trong vụ án có đối tượng tên Lóc là người bán ma túy cho bị cáo Phương, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng chưa xác định nhân thân lai lịch, khi nào xác định được sẽ xử lý sau. Đối tượng N.M.H là người nghiện ma túy, bị Công an bắt quả tang đang sử dụng ma túy trong phòng ngủ Phương, nên Cơ quan điều tra xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đối với Hùng là đúng quy định. Chị V.T.H và ông T không biết bị cáo cất giấu chất ma

túy và Hùng sử dụng ma túy trong quán, nên Cơ quan điều tra không xử lý hành vi của hai người là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo N.T.H.Pphạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo N.T.H.P: **15** (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (**13/4/2019**);

3. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: **0,1840** (không phải một tám bốn không) gam ma túy Methamphetamine; 01 kéo bằng kim loại màu trắng và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy;

- Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại sam sung màu đen;

- Hoàn trả lại cho bị cáo N.T.H.P số tiền: **470.000** (Bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng. Số tiền 470.000 đồng này đã được tạm nộp vào tài khoản số: 3949.0.1047677.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 17/4/2019.

Tất cả các vật chứng nêu trên đều có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 26/6/2019, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo N.T.H.P phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo N.T.H.P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/7/2019). Những người vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh K;
- VKSND tp. K;
- Công an tp. K;
- Chi cục THADS tp. K;
- Bị cáo và các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hoài